

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 28

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Súp lươn, bắp mỹ, khoai môn, nấm bào ngư, bột năng, trứng gà, tiêu xay, hành phi
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò kho sả, nghệ
- Canh cà chua nấu thịt heo, giá, nấm rơm, rau thì là
Xế: Nước cam
Xế chiều: Bún thịt gà nấu củ sắn, cà rốt, hành tây, xà lách búp, hành lá, ngô rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	350	3,140	10,990
2	0494	Đường cát	400	3,880	15,520
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,930	4,465
8	0649	Bột năng	300	4,675	14,025
9	0007	Ngô bắp tươi	200	4,200	8,400
10	0033	Khoai môn	200	6,620	13,240
11	N0778	Nấm bào ngư	100	13,130	13,130
12	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
13	0411	Lươn	500	25,410	127,050
14	0515	Nghệ tươi	50	5,460	2,730
15	N6585	Sả băm	50	3,360	1,680
16	0286	Thịt bò loại II	1,000	36,750	367,500
17	0087	Cà chua	400	7,880	31,520
18	0118	Giá đậu xanh	200	2,730	5,460
19	0211	Nấm rơm	100	14,180	14,180
20	0183	Thì là	50	8,610	4,305
21	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,480	73,920
22	0214	Cam sành	1,000	5,040	50,400
23	0653	Bún khô	400	4,950	19,800
24	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
25	0028	Củ sắn dây	100	2,520	2,520

26	0121	Hành tây	100	3,680	3,680
27	0172	Rau xà lách	100	6,200	6,200
28	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680
29	0457	Sữa bột toàn phần	522.07	20,500	107,024
Tổng cộng					1,035,999

Tổng tiền thực phẩm	1,035,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,035,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	14,652,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	14,651,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan